

TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN THỦ ĐỨC
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 165/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 21/02/2019
V/v Tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THỦ ĐỨC – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa : Bà Phạm Thị Thu

Các Hội thẩm nhân dân:

1/- Bà Phan Thị Mai Hương

2/- Bà Trịnh Thị Mỹ Huệ

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Nguyên Hà - Thư ký Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Ngô Thị Tuyết Mai – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 02 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 1194/2018/TLST - HNGĐ ngày 30 tháng 10 năm 2018 về tranh chấp ly hôn, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 01 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 06/2019/QĐST - HNGĐ ngày 28 tháng 01 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Ngô Thị Kim H - sinh năm: 1974

Thường trú: Xã B, Huyện C, tỉnh Nghệ An.

Cư trú: 42 Đường M, khu phố N, phường P, quận Q, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

- Bị đơn: Ông Đinh Trọng Đ - sinh năm: 1974

Cư trú: 121/21 Đường V, khu phố R, phường P, quận Q, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình tranh tụng tại Tòa bà Ngô Thị Kim H là nguyên đơn trình bày: Bà và ông Đinh Trọng Đ tự nguyện tìm hiểu và tiến tới hôn nhân vào năm 2007, có tổ chức hỏi cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Xã B, Huyện C, tỉnh Nghệ An. Sau khi kết hôn cả hai sống tự lập tại phường P, quận Q, Thành phố Hồ Chí Minh. Theo bà cuộc sống chung vợ chồng hạnh phúc được thời gian đầu đến khoảng năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, ông Đ thiếu trách nhiệm với gia đình, đôi bên thường xuyên xảy ra cãi vã, dẫn đến cuộc sống chung không mang lại hạnh phúc. Kể từ cuối năm 2016 cho đến nay vợ chồng đã sống ly thân, thời gian ly thân hai bên không ai có trách nhiệm với ai. Xét thấy tình cảm thực sự không còn, mục đích hôn nhân không đạt được khả năng đoàn tụ sẽ không mang lại hạnh phúc, do đó bà có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn.

Về con chung: Có hai con chung tên Đinh Thị Thùy T sinh ngày 21/10/2007 và Đinh Thiện A sinh ngày 19/01/2009, hiện tại bà đang trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung, việc cấp dưỡng nuôi con chung bà tự nguyện không yêu cầu.

Về tài sản chung và nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông Đinh Trọng Đ là bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để đến Tòa giải quyết vụ kiện nhưng ông Đ vẫn vắng mặt không có lý do, theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt ông Đ.

Tại phiên Tòa bà H xác định cuộc sống chung không mang lại hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó bà vẫn giữ yêu cầu đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Đinh Trọng Đ

Về con chung: Bà có nguyện vọng được tiếp tục nuôi dưỡng hai con chung và tự nguyện không yêu cầu ông Đ phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức, về tuân theo pháp luật: Tòa án nhân dân quận Thủ Đức và thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, về thụ lý vụ án, ra thông báo thụ lý vụ án, ra quyết định đưa vụ án ra xét xử và tại phiên tòa đã thực hiện đúng trình tự thủ tục của pháp luật quy định. Về nội dung vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Bà Ngô Thị Kim H và ông Đinh Trọng Đ tự nguyện kết hôn vào năm 2007, có hỏi cưới và có đăng ký kết hôn, theo Giấy chứng nhận kết hôn số 21, quyển số 01 ngày 02/4/2007 do Ủy ban nhân dân Xã B, Huyện C, tỉnh Nghệ An cấp là cơ sở xác định hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận. Ông Đ hiện đang sinh sống và cư trú tại phường P, quận Q, đời sống chung của vợ chồng không hạnh phúc, bà H là một bên đương sự, có đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, theo quy định tại các Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Xét yêu cầu xin ly hôn của bà Ngô Thị Kim H, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Bà Ngô Thị Kim H và ông Đinh Trọng Đ tự nguyện kết hôn vào năm 2007, cuộc sống chung của vợ chồng hạnh phúc được những năm đầu, sau đó phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chính theo lời trình bày của bà H do đôi bên bất đồng quan điểm sống, ông Đ thiếu trách nhiệm với gia đình, từ đó dẫn đến cuộc sống chung không mang lại hạnh phúc. Kể từ cuối năm 2016 cho đến nay cả hai đã sống ly thân, thời gian ly thân bà có tạo điều kiện để đoàn tụ gia đình nhưng không kết quả. Căn cứ vào Đơn đề nghị xác nhận tạm trú của bà Ngô Thị Kim H ngày 25/10/2016 thì kết quả xác nhận của Công an phường Linh Đông như sau “Đ/s Đinh Trọng Đ – SN 1974 có tạm trú tại 121/21 Đường Lý Tế Xuyên, khu phố 4, phường Linh Đông, quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh” và căn cứ vào phiếu yêu cầu xác minh của Tòa án ngày 14/11/2018 thì kết quả xác minh của Công an phường Linh Đông, quận Thủ Đức có nội dung: “Qua xác minh tại địa chỉ 121/21 Đường Lý Tế Xuyên, khu phố 4, phường Linh Đông, quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông Đinh Trọng Đ sinh năm 1974 không thực tế cư ngụ tại địa chỉ trên, không đăng ký hộ khẩu thường trú và có tạm trú tại địa chỉ trên nhưng đến năm 2017 không thường xuyên cư trú”. Theo lời trình bày của bà H do ông Đ làm nghề xây dựng nên đôi lúc có đi công trình làm việc cuối tuần thì về, thỉnh thoảng có đến thăm con và thực tế vẫn thuê nhà trọ sinh sống tại địa chỉ trên. Khi nộp đơn khởi kiện xin ly hôn bà có thông báo cho ông Đ biết tuy nhiên ông Đ không đồng ý đến Tòa để giải quyết. Ông Đ đã được Tòa án triệu tập đến Tòa, để giải quyết vụ kiện theo quy định của pháp luật, nhưng ông Đ vẫn vắng mặt không lý do, điều này chứng tỏ ông Đ không quan tâm đến việc yêu cầu xin ly hôn của bà H, từ đó cho thấy thực tế tình trạng hôn nhân của đôi bên đã xảy ra nhiều mâu thuẫn, đời sống chung không thể kéo dài, khả năng đoàn tụ không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được, xét hiện tại đôi bên đã sống ly thân, việc

bà H có đơn yêu cầu được ly hôn với ông Đ là có căn cứ, phù hợp với Điều 51; Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được chấp nhận.

[3] Về con chung: Xét hiện nay bà H đang trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung chưa trưởng thành, sau khi ly hôn bà có nguyện vọng được tiếp tục nuôi con việc cấp dưỡng nuôi con chung bà tự nguyện không yêu cầu là hoàn toàn tự nguyện không trái với quy định của pháp luật, phù hợp với nguyện vọng của con chung, theo Điều 81; 82; 83; 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được chấp nhận.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Căn cứ vào lời trình bày của bà H về tài sản chung và nợ chung không có nên Hội đồng xét xử không xét. Ông Đ có quyền khởi kiện tranh chấp tài sản sau khi ly hôn trong vụ án khác nếu có yêu cầu.

[5] Về án phí: Căn cứ vào Luật phí và lệ phí năm 2015 bà Ngô Thị Kim H phải nộp 300.000 đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đ (Ba trăm ngàn đồng) bà H đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0022855 ngày 30/10/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, bà Ngô Thị Kim H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Khoản 2 Điều 21, Khoản 1 Điều 28; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39; Khoản 4 điều 147; Khoản 2 Điều 227; Khoản 3 Điều 228; Khoản 1 Điều 273; Điều 482 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào Luật phí và lệ phí năm 2015;

- Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Căn cứ Luật thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Tuyên xử:

1-/ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn:

a-/ Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Ngô Thị Kim H và ông Đinh Trọng Đ.

b-/ Về con chung: Giao bà Ngô Thị Kim H trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung tên Đinh Thị Thùy T sinh ngày 21/10/2007 và Đinh Thiện A sinh ngày 19/01/2009. Việc cấp dưỡng nuôi con chung bà H tự nguyện không yêu cầu.

Không ai được quyền ngăn cản việc thăm nom chăm sóc và giáo dục con chung, vì quyền lợi mọi mặt của người con khi cần thiết có thể thay đổi người nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con chung.

c-/ Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2-/ Về án phí: Bà Ngô Thị Kim H phải nộp 300.000 đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đ (Ba trăm ngàn đồng) bà H đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0022855 ngày 30/10/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, bà Ngô Thị Kim H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

3-/ Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận Thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2014”;

Nơi nhận:

- TAND TP. HCM;
- VKSND TP. HCM;
- VKSND quận Thủ Đức;
- Chi cục THA dân sự Q.Thủ Đức;
- Ủy ban nhân dân Xã B, Huyện C, tỉnh Nghệ An;
- Các bên đương sự;
- Lưu: hồ sơ, VP.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Phạm Thị Thu

Nơi nhận:

- TAND TP. HCM;
- VKSND TP. HCM;
- VKSND quận Thủ Đức;
- Chi cục THA dân sự Q.Thủ Đức;
- Ủy ban nhân dân phường Bình Chiểu, quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Các bên đương sự;
- Lưu: hồ sơ, VP.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Thu